TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2022/DS-PT
Ngày: 11-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán;

Ông Nguyễn Văn Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 182, ấp B, xã Th, thị xã K, tỉnh Long An (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Anh Th, sinh năm 1978 và ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1979. Cả hai cùng địa chỉ: Số 30, ấp B, xã Th, thị xã K, tỉnh Long An (Có mặt).

3. N*gười có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Vũ T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 182, ấp B, xã Th, thị xã K, tỉnh Long An (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ L;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ L trình bày:

Vợ chồng bà Th, ông Tr tham gia 01 phần trong dây hụi mở ngày 05/02/2016 âm lịch do bà làm chủ hụi, dây hụi có 12 phần, mỗi năm khui 02 lần (vào tháng 3 và

tháng 7), 5.000.000 đồng/phần, mãn hụi vào tháng 7/2021. Vợ chồng bà Th ông Tr lãnh hụi tháng 7/2020 được 46.300.000 đồng, sau khi lãnh hụi còn phải đóng 02 kỳ cuối vào tháng 3, tháng 7/2021 tổng số tiền 10.000.000 đồng nhưng đến nay chưa đóng hụi.

Đối với Dây hụi mở ngày 20/3/2015 âm lịch do bà L làm chủ, 5.000.000 đồng/phần, vợ chồng bà Th tham gia 01 phần, đã lãnh hụi số tiền được lãnh là 77.200.000 đồng, trừ tiền hoa hồng còn 75.700.000 đồng, nhưng do hụi viên là bà Huỳnh Ngọc Ân (là chị dâu của bà Th) chưa đóng hụi 10.000.000 đồng, nên bà giao cho vợ chồng ông Tr 65.700.000 đồng, còn 10.000.000 đồng bà Ân nói đang ở xa để về sẽ giao cho vợ chồng bà Th 10.000.000 đồng này là đủ 75.700.000 đồng, vợ chồng bà Th ông Tr cũng đồng ý và có ký tên trong biên nhận tiền ngày 30/8/2018 âm lịch 75.700.000 đồng. Trong dây hụi này, sau khi vợ chồng bà Th lãnh hụi thì không đóng 02 kỳ hụi cuối là 10.000.000 đồng, do đó khi bà Th lãnh tiền hụi 46.300.000 đồng trong dây mở ngày 05/02/2016 âm lịch đã cấn trừ 02 kỳ hụi cuối là hết nợ. Còn việc bà Ân đã giao 10.000.000 đồng cho vợ chồng bà Th chưa thì bà không biết, bà cũng không đòi bà Ân nữa.

Nay bà Th và ông Tr yêu cầu bà trả 10.000.000 đồng vì cho rằng giao hụi thiếu trong dây hụi mở ngày 20/3/2015 âm lịch thì bà L không đồng ý vì khi bà giao tiền thì bị đơn cũng đồng ý ký nhận trong biên nhận ngày 30/8/2018 âm lịch số tiền 75.700.000 đồng, giữa các bên có thỏa thuận bà Ân sẽ giao 10.000.000 đồng hụi cho bị đơn.

Bị đơn Lê Thị Anh Th và Nguyễn Minh Tr trình bày:

Bà Th và ông Tr là vợ chồng có tham gia 01 phần trong dây hụi mở ngày 05/02/2016 âm lịch do bà L làm chủ hụi, tổng có 12 phần, mỗi năm khui 02 lần (vào tháng 3 và tháng 7), 5.000.000 đồng/phần, mãn hụi vào tháng 7/2021. Vợ chồng ông bà đã lãnh hụi kỳ tháng 7/2020 được 46.300.000 đồng (tuy nhiên số tiền thực nhận là 36.300.000 đồng vì phải trừ 10.000.000 đồng mà ông bà chưa đóng 02 kỳ hụi chết của dây mở ngày 20/3/2015 âm lịch), sau khi lãnh hụi thì còn 02 kỳ vào tháng 3 và tháng 7/2021 chưa đóng tổng tiền 10.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bà L còn nợ ông bà 10.000.000 đồng trong dây hụi mở ngày 20/3/2015 âm lịch, đề nghị cấn trừ qua, trường hợp không cấn trừ thì yêu cầu bà L trả. Dây hụi mở ngày 20/3/2015 âm lịch cụ thể như sau: Bà L làm chủ hụi, vợ chồng ông bà tham gia một phần, hụi 5.000.000 đồng/phần, 03 tháng khui một lần, ngày 30/8/2018 âm lịch vợ chồng ông bà lãnh hụi, số tiền được lãnh 77.200.000 đồng sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ hụi 1.500.000 đồng còn 75.700.000 đồng. Tuy nhiên bà L chỉ giao 65.700.000 đồng, còn 10.000.000 đồng đến nay chưa giao. Giữa các bên không có thỏa thuận về việc bà Ân (hụi viên) sẽ trả cho vợ chồng ông bà 10.000.000 đồng hụi thay cho bà L. Việc bà Ân đóng hụi thiếu thì bà L có trách nhiệm đòi vì đã nhận tiền hoa hồng.

Ngoài ra, sau khi lãnh hụi trong dây mở ngày 20/3/2015 âm lịch thì vợ chồng ông bà có trách nhiệm đóng 04 kỳ hụi chết, đã đóng được 02 kỳ, còn 02 kỳ chưa đóng là 10.000.000 đồng đã được bà L cấn trừ khi lãnh 46.300.000 đồng trong dây hụi mở ngày 05/02/2016 âm lịch. Như vậy bà L thiếu vợ chồng ông bà 10.000.000 đồng trong dây hụi mở ngày 20/3/2015 âm lịch, vợ chồng ông bà thiếu bà L

10.000.000 đồng của dây mở ngày 05/02/2016 âm lịch. Bà L không đồng ý cấn trừ thì ông bà yêu cầu bà L trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Vũ T tại bản tự khai ngày 22/02/2022 trình bày: Ông T là chồng bà L, ông và bà L tổ chức các dây hụi mở ngày 05/02/2016 âm lịch và dây ngày 20/3/2015 âm lịch, tuy nhiên vợ ông là người trực tiếp giao dịch cùng các hụi viên, ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của bà L, ngoài ra ông T không có yêu cầu gì khác. Đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ L về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Lê Thị Anh Th và ông Nguyễn Minh Tr. Buộc bà Lê Thị Anh Th và ông Nguyễn Minh Tr có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ L số tiền nợ hụi là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Anh Th và ông Nguyễn Minh Tr về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Huỳnh Thị Mỹ L. Buộc bà Huỳnh Thị Mỹ L có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Anh Th và ông Nguyễn Minh Tr số tiền nợ hụi là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

3. Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Anh Th và ông Nguyễn Minh Tr phải liên đới nộp 500.000 đồng án phí. Bà Th và ông Tr được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000524 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Ông Tr và bà Th còn phải nộp 200.000 đồng án phí.

Bà Huỳnh Thị Mỹ L phải nộp 500.000 đồng án phí, bà L được khấu trừ vào 250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000506 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Bà L còn phải nộp 250.000 đồng án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 27/4/2022 bà Huỳnh Thị Mỹ L kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Anh Th và ông Nguyễn Minh Tr.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ L trình bày: Đối với dây hụi ngày 20/3/2015 âm lịch, ngày 30/8/2018 AL, ông Nguyễn Minh Tr đã ký nhận số tiền hụi được nhận là 75.700.000 đồng. Sau đó, ông Tr đồng ý cho bà Huỳnh Ngọc Ân mượn 10.000.000 đồng để đóng hụi nên ngày hôm đó thực tế bà chỉ giao cho ông Trí 65.700.000 đồng.

Do ông Tr đã ký nhận đủ 75.700.000 đồng theo biên nhận ngày 30/8/2018 âm lịch nên nay bà không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Minh Tr và bà Lê Thị Anh Th.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh Tr và bà Lê Thị Anh Th cùng trình bày: Mặc dù, ông Nguyễn Minh Tr ký nhận giấy ngày 30/8/2018 AL nhưng thực tế bà L chỉ giao số tiền 65.700.000 đồng, bà L có viết giấy nợ cùng ngày 30/8/2018 AL ghi giao số tiền 65.700.000 đồng. Giữa vợ chồng bà cũng không có thỏa thuận cho bà Huỳnh Ngọc Ân mượn tiền nên nay vợ chồng bà yêu cầu bà L trả tiếp số tiền hụi còn nợ là 10.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bà L đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị Mỹ L kháng cáo bản án sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 14/4/2022, với lý do bà giao đủ tiền hụi cho ông Tr và ông Tr đồng ý cho bà Ân mượn 10.000.000đ đóng hụi cho bà L và ông Tr có ký tên nhận đủ tiền hụi, thấy rằng:

Dây hụi ngày 20/3/2015 AL, vợ chồng bà Th ông Tr yêu cầu bà L trả 10.000.000 đồng giao thiếu. Bà L thừa nhận khi bà Th, ông Tr lãnh hụi được 75.700.000 đồng bà chỉ giao cho vợ chồng bà Th ông Trí 65.700.000 đồng, còn 10.000.000 đồng do bà Ân chưa đóng vì bà Ân đang ở xa nói về sẽ giao lại cho vợ chồng bà Th 10.000.000 đồng, vợ chồng bà Thư cũng có ký tên trong biên nhận ngày 30/8/2018 âm lịch và cũng đã thỏa thuận về việc bà Ân giao tiếp 10.000.000 đồng. Vợ chồng bà Th thì không thừa nhận việc các bên thỏa thuận như bà L trình bày. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 16/11/2021, bà Ân trình bày số tiền 10.000.000 đồng trong các dây hụi bà Ân thiếu bà L thì bà Ân đã thỏa thuận lấy tài sản là đất đai cấn trừ cho bà L xong và giữa bà với bà L với vợ chồng bà Th không có thỏa thuận gì về việc bà Ân giao cho vợ chồng bà Thư 10.000.000 đồng như bà L trình bày. Nên yêu cầu trả 10.000.000 đồng của vợ chồng bà Th là có căn cứ.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mỹ L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà L đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng được triệu tập hợp lệ hai lần. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mỹ L:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà L trình bày ngày 30/8/2018 AL ông Tr trực tiếp ký biên nhận, nhận số tiền 75.700.000 đồng nhưng do hụi viên Huỳnh Ngọc Ân còn nợ bà 10.000.000 đồng nên ông Tr đồng ý cho bà Ân mượn 10.000.000 đồng, vì vậy ngày hôm đó thực tế bà chỉ giao ông Tr số tiền 65.700.000 đồng. Ngược lại, bị đơn ông Tr thừa nhận ông có ký biên nhận ngày 30/8/2018 âm lịch nhưng thực tế ông chỉ có nhận số tiền 65.700.000 đồng và bà L cũng có viết biên nhận ngày 30/8/2018 AL, ông xác định không có cho bà Huỳnh Ngọc Ân mượn 10.000.000 đồng như bà L trình bày.

Xét, dây hụi ngày 20/3/2015 âm lịch, ngày 30/8/2018 AL ông Tr, bà Th hốt hụi và sau khi trừ tiền hoa hồng thì bà Huỳnh Thị Mỹ L là chủ hụi phải có nghĩa vụ giao cho ông Tr, bà Th 75.700.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế ngày 30/8/2018 AL, bà L chỉ giao ông Tr, bà Th 65.700.000 đồng và bà L cho rằng ông Tr, bà Th đồng ý cho bà Huỳnh Ngọc Ân mượn 10.000.000 đồng. Trong khi đó ông Tr, bà Th không thừa nhận cho bà Ân mượn 10.000.000 đồng và bà Ân cũng xác định không có mượn ông Tr, bà Th 10.000.000 đồng như lời bà L trình bày. Bà L cho rằng ông Tr, bà Th đồng ý cho bà Ân mượn 10.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà L, ông Tr, bà Th yêu cầu bà L giao tiếp số tiền 10.000.000 đồng tiền hụi chưa giao là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Anh Th và ông Nguyễn Minh Tr là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mỹ L;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 288, 471 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Căn cứ Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ L về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Lê Thị Anh Th và ông Nguyễn Minh Tr. Buộc bà Lê Thị Anh Th và ông Nguyễn Minh Tr có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ L số tiền nợ hụi là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Anh Th và ông Nguyễn Minh Tr về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Huỳnh Thị Mỹ L. Buộc bà Huỳnh Thị

Mỹ L có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Anh Th và ông Nguyễn Minh Tr số tiền nợ hụi là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

3. Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Anh Th và ông Nguyễn Minh Tr phải liên đới nộp 500.000 đồng án phí. Bà Th và ông Tr được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000524 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Ông Tr và bà Th còn phải nộp 200.000 đồng án phí.

Bà Huỳnh Thị Mỹ L phải nộp 500.000 đồng án phí, bà Linh được khấu trừ vào 250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000506 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Bà L còn phải nộp 250.000 đồng án phí.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000671 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Trọng Nhân